

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT NAM SÁCH

BÁO CÁO CÔNG KHAI
(Tháng 6 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (CSGD)

Trường Trung học phổ thông Nam Sách (viết tắt: Trường THPT Nam Sách)

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, trang thông tin điện tử của CSGD

- Địa chỉ: Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 0862167566

- Địa chỉ thư điện tử: thpt-namsach@haiduong.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử: <http://thptnamsach.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình của CSGD, cơ quan quản lý trực tiếp CSGD

- Loại hình: Trường THPT công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT Hải Dương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của CSGD

- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

- Tầm nhìn: Là trường THPT hàng đầu của huyện mà học sinh mơ ước lựa chọn để học tập và rèn luyện.

- Mục tiêu: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của CSGD

Trường THPT Nam Sách được hình thành và phát triển từ trường cấp 2-3 Nam Sách từ năm 1962. Năm học đầu tiên (1962-1963), trường chỉ có 2 lớp 8 (8A, 8B), gần 100 học sinh với 4 thầy giáo. 9 năm chống Mỹ (1964-1972), trường sơ tán đến một số xã (Quốc Tuấn, Hồng Phong, An Lâm, An Sơn) và có thời điểm phân đội (cấp 3 Nam Sách A, cấp 3 Nam Sách B). Năm học 1973-1974, cấp 3 Nam Sách A, cấp 3 Nam Sách B hợp nhất thành trường phổ thông cấp 3 Nam Sách.

Hiện nay, trường có 36 lớp, 1540 học sinh và 88 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Trần Khoa

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

- Số điện thoại: 0964720286

- Địa chỉ thư điện tử: mrkhoa2013@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập, tách, sáp nhập...: Bị thất lạc trong những năm chiến tranh phá hoại
- Hội đồng trường

+ Quyết định công nhận hội đồng trường THPT Nam Sách: Quyết định số 1368/QĐ-SGDĐT ngày 20/11/2023 của Sở GD&ĐT Hải Dương

+ Chủ tịch Hội đồng trường: ông Trần Khoa- Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng nhà trường

+ Thư ký Hội đồng trường: bà Nguyễn Thị Hải- Tổ trưởng chuyên môn

+ Thành viên Hội đồng trường (có danh sách kèm theo)

-Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng...

+ Quyết định luân chuyển và bổ nhiệm Hiệu trưởng Trần Khoa: QĐ số 869/QĐ-SGDĐT ngày 28/7/2023 của Sở GD&ĐT Hải Dương

+ Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Lý: QĐ số 236/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2021 của Sở GD&ĐT Hải Dương

+ Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Bùi Quang Vinh: QĐ số 1569/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2023 của Sở GD&ĐT Hải Dương

+ Quyết định luân chuyển và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trịnh Thị Chính: QĐ số 1027/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2023 của Sở GD&ĐT Hải Dương

-Quy chế tổ chức và hoạt động của CSGD

Nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 96/QĐ-THPTNS ngày 08 tháng 10 năm 2024 (*quy chế gồm 10 chương, 55 điều*), trong đó quy định về tổ chức bộ máy, về tổ chức hoạt động giáo dục, về nhiệm vụ và quyền của giáo viên&nhân viên, về nhiệm vụ và quyền của học sinh, về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, về nguyên tắc làm việc và chế độ hội họp... thông qua việc cụ thể hoá các thông tư, quy chế, nghị định của các cấp lãnh đạo.

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

+ Trường THPT Nam Sách là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường có chức năng đào tạo trình độ phổ thông, giáo dục học sinh thành người có lòng yêu nước, có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

TRƯỜNG
NAM SÁCH
PS

- + Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
- + Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- + Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- + Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- + Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- + Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- + Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- + Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- + Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức bộ máy của nhà trường gồm: Đảng uỷ; Ban Giám hiệu; Công đoàn; Đoàn Thanh niên; 07 tổ chuyên môn; 01 tổ văn phòng; 36 lớp học. Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn...
- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc: Không
- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo CSGD
- + Họ và tên: Trần Khoa
- + Chức vụ: Hiệu trưởng
- + Số điện thoại: 0964720286
- + Địa chỉ thư điện tử: mrkhoa2013@gmail.com
- + Địa chỉ nơi làm việc: Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- + Nhiệm vụ, trách nhiệm của hiệu trưởng:
 - * Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường
 - * Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường;

quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- * Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường theo quy định;
- * Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
- * Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;
- * Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình... và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
- * Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;
- * Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu CSGD trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục;
- * Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;
- * Tham gia sinh hoạt cùng tổ Toán- Tin; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; tham gia dạy học 02 tiết/tuần theo quy định.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở theo Luật 10/2022;
- Ban hành các nghị quyết của hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường;
- Các quy định, quy chế nội bộ khác...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04; trình độ được đào tạo: 04 thạc sĩ
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 75; trình độ được đào tạo: 75 đại học, trong đó có 29 thạc sĩ

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 02; trình độ được đào tạo: 02 đại học

- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 01; trình độ được đào tạo: 01 trung cấp

Ngoài ra còn có 05 người là bảo vệ, lao công...

-Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

78 cán bộ, giáo viên đạt chuẩn tốt; 01 cán bộ, giáo viên đạt chuẩn khá

-Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 84/84, đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 16.694 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 10,91 m²

- Đảm bảo yêu cầu tối thiểu là 10 m²/01 HS

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng hành chính quản trị

+ Phòng Hiệu trưởng: có 01 phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

+ Phòng Phó Hiệu trưởng: có 03 phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

+ Văn phòng: có 02 phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

+ Phòng bảo vệ: có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

+ Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: có 06 phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị (chậu tiểu, chậu xí, chậu rửa tay) đảm bảo quy định hiện hành.

+ Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có 01 nhà để xe máy có mái che; thiếu diện tích và mái che để xe ô tô.

- Khối phòng học tập

+ Phòng học: 24 phòng học, 0,67 phòng/lớp_ bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

+ Phòng học bộ môn Âm nhạc: có 02 phòng;

+ Phòng học bộ môn Mỹ thuật: có 02 phòng;

+ Phòng học bộ môn Công nghệ: có 02 phòng;

- + Phòng học bộ môn Tin học: có 02 phòng;
- + Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: có 02 phòng;
- + Phòng đa chức năng: có 02 phòng;
- + Phòng học bộ môn Vật lý: có 02 phòng;
- + Phòng học bộ môn Hóa học: có 02 phòng;
- + Phòng học bộ môn Sinh học: có 02 phòng;
- + Phòng bộ môn KHXH: có 01 phòng;
- Khối phòng hỗ trợ học tập
- + Thư viện: có 01 thư viện có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;
- + Phòng thiết bị giáo dục: có 06 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường
- + Phòng tư vấn học đường: có 01 phòng;
- + Phòng truyền thông: có 02 phòng, trang bị đầy đủ thiết bị;
- + Phòng Đoàn Thanh niên: có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị
- Khối phụ trợ
- + Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;
- + Phòng các tổ chuyên môn: có 07 phòng; mỗi tổ chuyên môn 01 phòng riêng; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;
- + Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;
- + Nhà kho: có 01 phòng để dụng cụ chung và học phẩm của trường;
- + Khu để xe học sinh: có 03 khu; nhà xe có mái che
- + Khu vệ sinh học sinh: có 10 phòng; bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị (tiểu nam, xí, chậu rửa) còn thiếu so với quy định tại Thông tư 13/2020.
- + Cổng, hàng rào: đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020.
- Khu sân chơi, thể dục thể thao
- + Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân trường xuống cấp, gồ ghề và mặt sân thấp nên thường bị ngập úng trong những ngày mưa; sân trường thiếu cây xanh bóng mát (do bão Yagi làm gãy, đổ);
- + Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh, có các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn, có đường chạy 100m;

ĐÀ
TI
JNG
NA
OS

+ Nhà đa năng 450 m², đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường. Năm 2024 đã cải tạo, nâng cấp nhà tập đa năng.

- Khôi phục vụ sinh hoạt: không có

- Hạ tầng kỹ thuật

+ Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

+ Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động giáo dục;

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Do các dãy nhà đều xây dựng từ lâu, thiết kế theo tiêu chuẩn cũ nên hệ thống phòng cháy, chữa cháy chưa bảo đảm theo các quy định hiện hành;

+ Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: nhà trường có điện thoại và kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

+ Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

3.Số thiết bị dạy học hiện có

-Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổng số thiết bị dạy học hiện có: 170 bộ (khối 10 có 44 bộ, khối 11 có 46 bộ, khối 12 có 80 bộ); bình quân số bộ/lớp là 4,7 bộ/lớp (khối 10 đạt 3,7 bộ/lớp, khối 11 đạt 3,8 bộ/lớp, khối 12 đạt 6,7 bộ/lớp). Đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định, tuy nhiên, thiết bị dạy học phục vụ chương trình GDPT mới chưa đầy đủ.

-Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

4.Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa:

+ Khối 10:

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Công nghệ (Thiết kế và công nghệ, Công nghệ trồng trọt), Hoạt động trải nghiệm & hướng nghiệp: Sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Tin học, Giáo dục thể chất (bóng đá, bóng rổ, đá cầu, cầu lông): Sử dụng bộ sách “Cánh diều”

* Sách giáo khoa và chuyên đề học tập môn Giáo dục thể chất_nội dung bóng chuyên: Sử dụng bộ sách “Chân trời sáng tạo”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập môn Tiếng Anh: Sử dụng bộ sách “Global Success”

+ Khối 11:

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Công nghệ (Công nghệ cơ khí, Công nghệ chăn nuôi), Lịch sử, Giáo dục thể chất_nội dung bóng chuyên, Hoạt động trải nghiệm&hướng nghiệp, Âm nhạc, Mỹ thuật: Sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Tin học, GDTC (bóng đá, bóng rổ, đá cầu, cầu lông): Sử dụng bộ sách “Cánh diều”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập môn Tiếng Anh: Sử dụng bộ sách “Global Success”

+ Khối 12:

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Công nghệ Lâm nghiệp-Thủy sản, GDTC (bóng chuyên), Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Âm nhạc, Mỹ thuật: Sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Tin học, Giáo dục thể chất (bóng rổ, đá cầu, cầu lông), Công nghệ Điện- Điện tử: Sử dụng bộ sách “Cánh diều”

*Sách giáo khoa và chuyên đề học tập môn Tiếng Anh: Sử dụng bộ sách “Global Success”

-Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo: Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các danh mục xuất bản phẩm tham khảo theo quy định.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1.Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1.1.Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Có 5 tiêu chí đạt mức 3; có 5 tiêu chí đạt mức 2

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Tiêu chuẩn 1 đạt mức 3.

1.2.Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Cả 4 tiêu chí đều đạt mức 3

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Tiêu chuẩn 2 đạt mức 3.



1.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Có 5 tiêu chí đạt mức 3; có 1 tiêu chí đạt mức 2

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 đạt mức 3.

1.4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Cả 2 tiêu chí đều đạt mức 3

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 đạt mức 3.

1.5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Có 4 tiêu chí đạt mức 3; có 2 tiêu chí đạt mức 2

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5 đạt mức 3.

Kết luận chung: Trường THPT Nam Sách tự đánh giá đạt mức chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường THPT Nam Sách đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Kế hoạch cải tiến chất lượng từng tiêu chí (*có văn bản kèm theo*)

Trên cơ sở yêu cầu, kế hoạch cải tiến chất lượng từng tiêu chí thông qua tự đánh giá và đánh giá ngoài, nhà trường xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp, đầu tư nguồn lực để từng bước thực hiện cải tiến chất lượng mỗi tiêu chí. Có những tiêu chí nhanh chóng và dễ dàng thực hiện, nhưng có những tiêu chí thực hiện cải tiến chất lượng tương đối khó khăn (*tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất...*).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Tình hình học sinh năm học 2024-2025

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025: Chỉ tiêu Sở GD&ĐT Hải Dương giao là 504 học sinh; Số học sinh trúng tuyển nguyện vọng 1 là 503 em, nguyện vọng 2 là 01 em, tuyển thẳng là 02 em; Số học sinh không nhập học là 02 em. Tổng số học sinh lớp 10 đầu năm học 2024- 2025 là 504 em.

- Tổng số học sinh theo từng khối: Khối 10 có 516 học sinh (trung bình 43,0 HS/lớp), khối 11 có 520 học sinh (trung bình 43,33 HS/lớp), khối 12 có 512 học sinh (trung bình 42,67 HS/lớp). Tổng số HS toàn trường là 1548 HS (trung bình 43,0 HS/lớp).

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 0 HS;

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 662/886 (khối 10 là 213/303, khối 11 là 231/289, khối 12 là 218/294)

- Số lượng học sinh là người dân tộc thiểu số: 03 em, học sinh khuyết tật: 05 em;
- Số lượng học sinh chuyển trường, xin nghỉ bảo lưu kết quả học tập và đi du học (trong khi đang học THPT) là 02 học sinh; số lượng học sinh chuyển đến và xin học lại là 15 học sinh.

2. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định

- Số lượng học sinh được lên lớp (lớp 10 lên 11, lớp 11 lên 12): 1036 HS (100%)
- Số lượng học sinh được dự thi tốt nghiệp (lớp 12): 512 HS (100%)
- Số học sinh không được lên lớp, không được dự thi tốt nghiệp: 0 HS
- Về học tập: tỷ lệ học sinh học tập tốt đạt 79,13%; khá 20,22%; đạt 0,39% (04 học sinh khuyết tật học hòa nhập không xếp loại học tập).
- Về rèn luyện: tỷ lệ học sinh rèn luyện tốt đạt 99,04%; khá 0,90%; đạt 0,06%
- Kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh: Có 03 giải Nhì, 07 giải Ba, 16 giải Khuyến khích. Đồng đội chung xếp thứ 16 toàn tỉnh.
- Tham dự giải đấu Điền kinh cấp tỉnh: 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng và đạt giải Ba toàn đoàn.
- Tham dự giải Cầu lông cấp tỉnh đạt 03 giải Ba và đạt giải Ba toàn đoàn.
- Thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh: có 01 sản phẩm đạt giải Nhì cấp tỉnh, tham dự Cuộc thi KHKT cấp quốc gia đạt giải triển vọng.
- Thi IOE cấp quốc gia: 03 Huy chương Đồng và 01 giải Khuyến khích.
- Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm 2025 cấp quốc gia: 02 giải Khuyến khích.
- Tham dự ngày hội STEM cấp tỉnh có 15 sản phẩm được chứng nhận. Trong đó có 03 sản phẩm Xuất sắc.

3. Tình hình học sinh hoàn thành chương trình, thi tốt nghiệp và bước vào cuộc sống

- Số lượng học sinh hoàn thành chương trình và được dự thi tốt nghiệp: 512 HS;
- Dự kiến số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 512 HS;
- Dự kiến số lượng học sinh học đại học, cao đẳng: 435 HS (tỷ lệ 85%)
- Dự kiến số lượng học sinh học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 15 HS (tỷ lệ 3%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của nhà trường năm 2025 và năm trước liền kề (năm 2024), trong đó các khoản thu phân theo nguồn kinh phí và loại hoạt động; các khoản chi phân theo chi tiền lương và thu nhập, chi cơ sở vật chất và dịch vụ, chi hỗ trợ người học và chi khác. Nhà trường thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh.... Được thể hiện trong bảng sau:

Kết quả thu chi hoạt động

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Chỉ số thống kê | Năm báo cáo 2024 | Năm trước liền kề năm báo cáo |
|------------|---|---------------------|----------------------------------|
| A | TỔNG THU HOẠT ĐỘNG | 21.544,264 | 24.361,273 |
| I | Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư | 14.582,730 | 11.800,445 |
| II | Hỗ trợ chi KTX từ Nhà nước/nhà đầu tư | 661.742 | 4.290,291 |
| III | Thu giáo dục và đào tạo | 1.487.337 | 3.637,353 |
| 1 | Học phí, lệ phí từ người học | 1.487.337 | 3.637,353 |
| IV | Thu Hoạt động | 4.539,910 | 4.304,878 |
| 1 | Học thêm | 4.300,828 | 3.959,305 |
| 2 | Gửi xe | 194,202 | 210,213 |
| 3 | SỔ LLĐT | 44,880 | 135,360 |
| V | Thu khác | 272,545 | 328,306 |
| 1 | Vệ sinh | 121,600 | 180,240 |
| 2 | Nước uống | 42,560 | 75,100 |
| 3 | Thẻ học sinh | 0 | 15.510 |
| 4 | Khảo sát CL | 108,385 | 57,456 |
| B | TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG | 21.176,264 | 23.044,769 |
| I | Chi lương, thu nhập | 18.191,794 | 14.980,167 |
| 1 | Chi lương, thu nhập của CBGVNV biên chế | 13.768,583 | 11.421,013 |
| 2 | Chi lương, thu nhập cho hợp đồng, khác | 3.919,084 | 3.559,154 |
| 3 | Chi thưởng thường xuyên, đột xuất (KTX) | 462,127 | 0 |
| 4 | Chi thanh toán khác cho cá nhân (KTX) | 42,000 | 0 |
| II | Chi cơ sở vật chất và dịch vụ | 2.049,827 | 6.302,350 |
| 1 | Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư VPP | 362,907 | 310,327 |
| 2 | Chi thông tin, tuyên truyền, công tác phí | 91,610 | 136,150 |
| 3 | Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng CSVC | 488,241 | 614,325 |
| 4 | Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng CSVC (KTX) | 0 | 2.736,846 |
| 5 | Chi cấp bù học phí cho cơ sở GD (KTX) | 23,287 | 1.342,545 |
| 6 | Chi hoạt động chuyên môn | 1.083,782 | 1.162,157 |
| III | Chi hỗ trợ người học | 19,650 | 21,900 |
| 1 | Chi học bổng và hỗ trợ học tập | 19,650 | 21,900 |
| 2 | Chi hoạt động khác | 0 | 0 |
| IV | Chi khác | 914,993 | 1.740.352 |
| C | CHÊNH LỆCH THU CHI | 368,000 | 1.316,504 |

Đồng thời, nhà trường thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở các nội dung công khai tài chính khác.

TẠO
ĐANG
PHỔ TH
SÁCH
97

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2024- 2025, trường THPT Nam Sách thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác chất lượng, hiệu quả, vượt chỉ tiêu đầu năm đề ra.

VIII. MỘT SỐ KHOẢN THU NĂM HỌC 2024- 2025

1.Học phí: HS thành thị 135.000đ/hs/tháng, HS nông thôn 105.000đ/hs/tháng.

HK1 thu 4 tháng, HK2 thu 5 tháng.

2.Khoản thu được trích từ nguồn học phí: Tiền giấy in đề, bằng tốt nghiệp của HS.

3.Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục:

-Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử: 10.000đ/hs/tháng (HS, CMHS tự nguyện đăng ký sử dụng dịch vụ)

-Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh: 20.000đ/hs/tháng.

4.Khoản được quy định tại các văn bản khác

-Khoản thu trông giữ xe của HS

+ Xe đạp, xe đạp điện: 10.000đ/hs/tháng;

+ Xe máy, xe máy điện: 20.000đ/hs/tháng.

HK1 thu 4 tháng, HK2 thu 5 tháng.

-Khoản thu dạy thêm, học thêm: 9.500đ/hs/tiết học (chỉ thu đến ngày 14/2/2025).

-Các khoản tài trợ cho giáo dục: Không

-Khoản thu tiền nước uống cho học sinh: 7.000đ/hs/tháng.

5.Các khoản thu khác: Không

6. Nhà trường không trực tiếp thu của HS (chỉ hướng dẫn, phối hợp tổ chức thực hiện): Đồng phục của học sinh; Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện CMHS; Hoạt động chữ thập đỏ; Quỹ Đoàn; Bảo hiểm thân thể học sinh; Sách giáo khoa...

7. Bảo hiểm Y tế

- Học sinh lớp 10, 11: 884.520đ (Thẻ từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

- Học sinh lớp 12 (đóng 9 tháng): 663.390đ (Thẻ từ 01/01/2025 đến 30/9/2025).

Trên đây là báo cáo của trường THPT Nam Sách về việc thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của nhà trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN KHÇA**